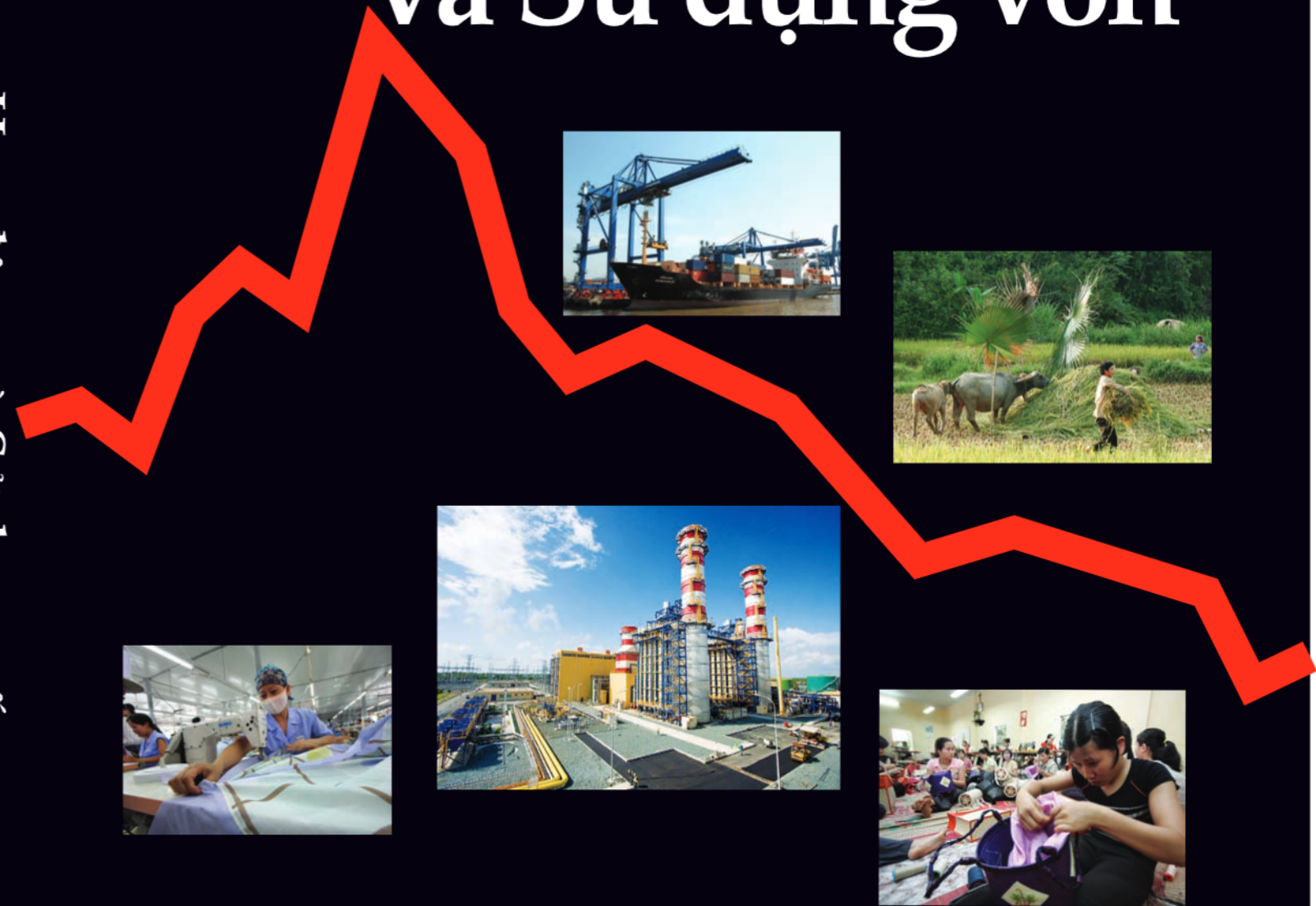


Huy động và Sử dụng vốn

Báo cáo Phát triển Việt Nam 2009

Huy động và Sử dụng vốn



Ảnh bìa: Việt Tuấn

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới tại Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam
Hà Nội, ngày 4-5 tháng 12 năm 2008



Available from:
Vietnam Development Information Center
63 Ly Thai To Street, Hanoi
Tel. (84-4) 39346845, Fax (84-4) 39346847
www.vdic.org.vn

Báo cáo Phát triển Việt Nam 2009

Huy động và Sử dụng Vốn

Báo cáo của Ngân hàng Thế giới
tại Hội nghị Nhóm Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam
Hà Nội, ngày 4-5 tháng 12 năm 2008

ĐỒNG TIỀN TƯƠNG ĐƯƠNG

ĐƠN VỊ TIỀN TỆ = ĐỒNG

US\$ = 16.500

NĂM NGÂN SÁCH CỦA CHÍNH PHỦ

1 tháng Giêng - 31 tháng Mười Hai

CÁC TỪ VIẾT TẮT

ACB	Ngân hàng Thương mại Á Châu
ADB	Ngân hàng Phát triển Châu Á
AFTA	Khu vực Mậu dịch Tự do ASEAN
BIDV	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BHXH	Bảo hiểm Xã hội
BKHĐT	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
BOT	Xây dựng - Vận hành - Chuyển giao
BT	Xây dựng - Chuyển giao
BTC	Bộ Tài chính
BTO	Xây dựng-Chuyển giao-Vận hành
CDS	Giá hoán đổi tín dụng
CTCP	Công ty cổ phần
DFID	Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh
DNNN	Doanh nghiệp Nhà nước
DNTN	Doanh nghiệp Tư nhân
EVN	Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
Eximbank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
FDI	Đầu tư Trực tiếp Nước ngoài
GDP	Tổng Sản phẩm Quốc nội
GNI	Tổng Thu nhập Quốc gia
GTGT	Thuế Giá trị Gia tăng
HaSTC	Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HIFU	Quỹ Đầu tư Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh
HOSE	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HSBC	Tập đoàn Ngân hàng Hồng Kông-Thương Hải
IBRD	Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Quốc tế
ICOR	Hệ số gia tăng vốn trên sản lượng cận biên
IDA	Hiệp hội Phát triển Quốc tế
IFC	Công ty Tài chính Quốc tế
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IPO	Chào bán lần đầu ra công chúng
JICA	Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản

KHPTKTXH	Kế hoạch Phát triển Kinh tế Xã hội
MHB	Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long
MTEF	Khuôn khổ Chi tiêu Trung hạn
NDF	Tỷ giá kỳ hạn không chuyển nhượng
NHCP	Ngân hàng cổ phần
NHCSXH	Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam
NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
NHPTVN	Ngân hàng Phát triển Việt Nam
NHTMNN	Ngân hàng Thương mại Nhà nước
NPV	Giá trị hiện tại ròng
OCBC	Tập đoàn Ngân hàng Trung Quốc Hải ngoại
ODA	Viện trợ Phát triển Chính thức
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
OTC	Thị trường chưa niêm yết
P/E	Tỷ suất giá trên thu nhập
PPP	Hệ số Sức mua Tương đương
PRSC	Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo
QĐTPTĐP	Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương
QSĐĐ	Quyền Sử dụng Đất
Sacombank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín
SASAC	Ủy ban Giám sát và Quản lý Tài sản Nhà nước
SCIC	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước
SMBC	Tập đoàn Ngân hàng Sumitomo Mitsui
TCTK	Tổng cục Thống kê
Techcombank	Ngân hàng Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
TNCN	Thu nhập Cá nhân
TNDN	Thu nhập Doanh nghiệp
TPHCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TTLKCK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND	Ủy ban Nhân dân
UNCTAD	Hội nghị về Thương mại và Phát triển của Liên Hiệp Quốc
VBARD	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
Vietcombank	Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Việt Nam
Vietinbank	Ngân hàng Công Thương Việt Nam
VN Index	Chỉ số Giá Tiêu dùng Việt Nam
VPBank	Ngân hàng Cổ phần Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh
WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới

LỜI CẢM ƠN

Báo cáo này do Ngân hàng Thế giới thực hiện cho Hội nghị tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam được tổ chức vào ngày 4-5/12/2008. Đề cương và nội dung báo cáo đã được tham vấn với các nhà tài trợ, cả gián tiếp và trực tiếp tại cuộc hội thảo được tổ chức tại Hà Nội ngày 28/3. Những ý kiến đóng góp và đề xuất của Laurie Barnier (Ủy ban Châu Âu, EC), Bridget Crumpton (Bộ Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh, DFID), Elke Foerster (thay mặt cho Nhóm các nhà tài trợ đồng chính kiến, LMDG), Bahodir Ganiev (Ngân hàng Phát triển Châu Á, ADB), Daniel Lenggenhager (Cơ quan Hợp tác Phát triển Thụy Sĩ), Yasuhisa Ojima (Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản, JICA) và Vũ Thùy Hương (Sứ quán Ai-len) được đặc biệt ghi nhận. Báo cáo cũng dựa trên nhiều nghiên cứu được các nhà tài trợ thực hiện hoặc tài trợ trong các lĩnh vực liên quan đến nội dung báo cáo trong thời gian trước khi soạn thảo. Những nghiên cứu này được liệt kê trong phần tài liệu tham khảo được xây dựng như một bộ phận trong chương trình quốc gia của từng nhà tài trợ.

Quá trình soạn thảo báo cáo cũng đã lấy ý kiến của các nhà nghiên cứu và thực hành của Việt Nam tham gia với tư cách cá nhân. Những đóng góp và ý kiến phản hồi này được điều phối thông qua Ban Hiệu chỉnh gồm các ông/bà: Bùi Hà (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Tiến sĩ Lê Đăng Doanh (Viện Nghiên cứu Phát triển), Lê Xuân Nghĩa (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Lê Thị Băng Tâm (cố vấn), Nguyễn Thị Cúc (Tổng cục Thuế), Nguyễn Thành Đô (Bộ Tài chính), Nguyễn Quang Huy (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Nguyễn Thị Hoàng Yến (Bộ Tài chính), Phạm Chi Lan (Viện Nghiên cứu Phát triển), Tiến sĩ Võ Trí Thành (Viện Quản lý Kinh tế Trung ương) và Vũ Bằng (Ủy ban Chứng khoán Nhà nước).

Nhóm soạn thảo báo cáo do Martin Rama làm Trưởng nhóm. Đinh Tuấn Việt và Keiko Kubota đóng góp cho toàn bộ báo cáo. Noritaka Akamatsu, James Anderson, Đoàn Hồng Quang, Lê Minh Tuấn, Lasse Melgaard, Nguyễn Thế Dũng, Nguyễn Nguyệt Nga, Phạm Minh Đức, Kalpana Seethepalli, Susan Shen, Triệu Quốc Việt và Vũ Hoàng Quyên đóng góp nội dung cho các chương cụ thể. Nhóm soạn thảo đã sử dụng nhiều nghiên cứu do các đồng nghiệp ở Ngân hàng Thế giới thực hiện. Ngoài ra, báo cáo còn nhận được sự đóng góp to lớn của các đối tác ngoài Ngân hàng Thế giới. Nhóm soạn thảo đặc biệt cảm ơn Nguyễn Việt Cường (Trường Đại học Kinh tế Quốc dân) và Roy Van Der Weide (chuyên gia tư vấn).

Vũ Thị Nha (Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam - VDIC) chịu trách nhiệm về tài liệu nghiên cứu và tham khảo. Nhóm nhân viên Ngân hàng Thế giới hỗ trợ thực hiện báo cáo gồm Trần Thị Ngọc Dung chịu trách nhiệm biên tập, Trần Kim Chi chịu trách nhiệm xuất bản, và Lê Minh Phương hỗ trợ hành chính.

Báo cáo được thực hiện dưới sự chỉ đạo chung của Vikram Nehru, Ngân hàng Thế giới. Homi Kharas (Viện Brookings) và Luiz Pereira Da Silva (Ngân hàng Thế giới) đọc phản biện. Báo cáo đã được thảo luận với Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Chúng tôi chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp và nhận xét của nhiều đồng nghiệp khác.

MỤC LỤC

Lời cảm ơn	
Tóm tắt tổng quan	i
PHẦN I: NHU CẦU VÀ TÁC ĐỘNG	1
1. Nguồn vốn cho tăng trưởng	3
2. Chuyển đổi và Biến động	16
PHẦN II: HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN LỰC	27
3. Thu nhập từ thuế	29
4. Nợ và Nghĩa vụ	42
5. Vốn nhà nước	53
6. Cho vay chính sách	66
7. Tín dụng Ngân hàng	73
8. Đầu tư chứng khoán	86
9. Hợp tác nhà nước - tư nhân	96
10. Hỗ trợ phát triển	105
PHẦN III: CHƯƠNG TRÌNH CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH	119
11. Đảm bảo sự ổn định	121
10. Duy trì mức tăng trưởng	133
Tài liệu tham khảo	141
Phụ lục thống kê	145

Khung

Khung 1.1: ICOR cho biết gì về tính hiệu quả ?	7
Khung 2.1: Mất bao nhiêu năm để đuổi kịp?	23
Khung 3.1: Chương trình cải cách thuế	32
Khung 3.2: Cải cách quản lý đất đai và thuế bất động sản	37
Khung 4.1: Xác định nợ của Chính phủ	43
Khung 5.1: Các phương pháp cổ phần hóa: Chào bán cạnh tranh hay chào bán trực tiếp?	62
Khung 5.2: Phương thức quản lý quyền sở hữu nhà nước ở Trung Quốc	64
Khung 6.1: Tín dụng vi mô ở Cam-pu-chia và Việt Nam	72

Khung 7.1:	Đầu tư chiến lược trong ngành ngân hàng	77
Khung 7.2:	Đánh giá chất lượng cho vay của ngân hàng	84
Khung 8.1:	Kết hợp mô hình Temasek và Treuhand	91
Khung 8.2:	Tham gia niêm yết có làm tăng hiệu quả?	94
Khung 9.1:	Một số hình thức và thể thức PPP	97
Khung 9.2:	Những bài học thành công và thất bại khi Chính phủ bảo lãnh	101
Khung 9.3:	Quỹ Đầu tư Phát triển Địa phương	103
Khung 10.1:	Sử dụng viện trợ thay thế cho các nguồn lực của Chính phủ trong lĩnh vực giao thông và y tế	109
Khung 10.2:	Trung Quốc ra khỏi chương trình cho vay ưu đãi	114
Khung 10.3:	Chiến lược quản lý và chống tham nhũng	116
Khung 11.1:	Rủi ro mang tính hệ thống trong các cuộc khủng hoảng ở Đông Á	124
Khung 11.2:	Xác định hộ nghèo và dễ bị tổn thương	131

Bảng

Bảng 1.1:	Tổng vốn đầu tư tính theo giá hiện hành	4
Bảng 1.2:	Đầu tư, tiếp cận từ góc độ kỹ thuật	9
Bảng 1.3:	Đầu tư, tiếp cận từ góc độ tài chính	12
Bảng 1.3:	Đầu tư, tiếp cận từ góc độ tài chính (tiếp theo)	13
Bảng 3.1:	Cơ cấu nguồn thu của Chính phủ	30
Bảng 3.2:	Số thu thiếu hụt từ thuế thu nhập doanh nghiệp	33
Bảng 3.3:	Tuân thủ một phần chế độ kê khai thuế	39
Bảng 4.1:	Phát hành trái phiếu doanh nghiệp của các NHTMNN và DNNN lớn	51
Bảng 5.1:	Đầu tư công theo ngành	56
Bảng 6.1:	Các đối tượng thụ hưởng cho vay chính sách xã hội	68
Bảng 7.1:	Đầu tư tài chính của các Tổng công ty nhà nước có quy mô lớn	78
Bảng 7.2:	Các tỷ trọng tài chính của NHTMNN	80
Bảng 7.3:	Các tỷ trọng tài chính của NHCP	81
Bảng 8.1:	Công ty cổ phần: Đại chúng và Niêm yết	89
Bảng 10.1:	Các lĩnh vực ưu tiên chính	112
Bảng 10.1:	Những điểm khác biệt chính trong các quy định về mua sắm đấu thầu	117

Hình

Hình 1.1:	Các tỷ lệ đầu tư chính	5
Hình 1.2:	Tỷ lệ gia tăng vốn trên sản lượng	8
Hình 1.3:	Đầu tư tiếp cận từ góc độ kinh tế	10
Hình 1.4:	Tình hình nợ nước ngoài vững mạnh	15
Hình 2.1:	Các nước giàu thường đắt đỏ hơn	18

Hình 2.2:	Các tỉnh giàu có thường đắt đỏ hơn	.19
Hình 2.3:	Cán cân thanh toán thay đổi	.20
Hình 2.4:	Giá bất động sản tăng và giảm	.22
Hình 2.5:	Tỷ giá hối đoái thực và tình hình xuất khẩu	.24
Hình 3.1:	Gánh nặng thuế lũy tiến	.33
Hình 3.2:	Những tổn tại trong quy trình hoạt động	.40
Hình 4.1:	Phát hành nhiều đợt công trái với số lượng nhỏ	.45
Hình 4.2:	Lương hưu trong tương lai liệu có đủ không?	.49
Hình 5.1:	Các nguồn vốn đầu tư công	.55
Hình 5.2:	Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản theo sở hữu doanh nghiệp	.59
Hình 6.1:	Hoạt động cho vay chính sách xã hội có xác định được ưu tiên đúng đắn?	.69
Hình 6.2:	Một trong số các nguồn tài chính	.71
Hình 7.1:	Độ sâu tài chính hay biến động tiền tệ?	.75
Hình 7.2:	Các DNNN vay bao nhiêu?	.82
Hình 8.1:	Các xu hướng trên thị trường chứng khoán và những điểm căn bản	.87
Hình 9.1:	Chênh lệch giữa kế hoạch đầu tư và các nguồn tài chính hiện có	.99
Hình 10.1:	Nhìn lại hoạt động tài trợ	.106
Hình 10.2:	Hỗ trợ của các nhà tài trợ trong tương lai	.111
Hình 11.1:	Biến động về giá hàng hóa	.122
Hình 11.2:	Chỉ có chính sách tốt thôi thì chưa đủ	.128